

Bản án số: 357 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24 – 12 - 2025
V/v Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đoạt

2. Ông Nguyễn Văn Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Vui - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang không tham gia.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 131/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã M, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Chị Thái Thị C, sinh năm: 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã M, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Anh Nguyễn Văn P trình bày:

Anh với chị Thái Thị C quen biết, thương yêu và được gia đình hai bên chấp nhận và được Ủy ban nhân dân xã M số cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/8/2012. Quá trình chung sống anh với chị có con chung tên: Nguyễn Thái V,

sinh ngày 10/6/2016 và Nguyễn Ngọc Thái T, sinh ngày 09/3/2011, hiện nay con chung đang do anh P nuôi dưỡng.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau này do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi, không thể sống chung nên vợ chồng ly thân. Tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về hôn nhân: Anh xin ly hôn với chị Thái Thị C.
- Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Chị Thái Thị C có ý kiến:

Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị C không có mặt, không có ý kiến theo yêu cầu của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh P nguyên ý kiến xin ly hôn, con chung và chia tài sản chung với chị Thái Thị C.
- Bị đơn chị Thái Thị C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên không có trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn P thì quan hệ pháp luật được xác định là: “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn chị Thái Thị C có địa chỉ cư trú tại xã M, tỉnh An Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

[2]. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa anh P và chị C tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M số cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/8/2012 nên căn cứ vào các điều 9, 11, 12, 13, 14, 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn P và chị Thái Thị C là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh P, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của anh P cho rằng, anh không còn tình cảm, không yêu thương, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau với chị C nên vợ chồng đã ly thân với nhau; mặc dù, anh chị đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không được.

Trong khi đó, chị C mặc dù được Tòa án tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng như: thông báo về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị C; thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử, hoãn phiên tòa nhưng bị đơn chị C không có mặt, không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh P. Điều này cho thấy, chị C không quan tâm và không muốn hòa giải về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung với anh P nên vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu xin ly hôn của anh P có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Anh P với chị C có con chung tên: Nguyễn Thái V, sinh ngày 10/6/2016 và Nguyễn Ngọc Thái T, sinh ngày 09/3/2011, hiện nay con chung đang do anh P nuôi dưỡng. Ly hôn anh P yêu cầu xin được nuôi dưỡng hai con chung. Chị C không có ý kiến phản đối hay chị C có yêu cầu nuôi con chung nên yêu cầu xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung của anh P có cơ sở để HĐXX xem xét, chấp nhận. Đồng thời, theo nguyện vọng của hai con chung yêu cầu được tiếp tục sống chung với anh P.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị C không cấp dưỡng nuôi con chung và anh P không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh P và chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 9, 11, 12, 13, 14, 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn P1 được ly hôn với chị Thái Thị C.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Thái V, sinh ngày 10/6/2016 và Nguyễn Ngọc Thái T, sinh ngày 09/3/2011 cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Chị Thái Thị C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản chị C thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P không yêu cầu chị Thái Thị C phải cấp dưỡng nuôi con chung và chị C không cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Thái Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh Nguyễn Văn P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004181 ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

6. Các đương sự vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND cùng cấp;
- Phòng THADS khu vực 4-
An Giang
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tú Quỳnh

